

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 22/2019/HS-ST

Ngày 19- 4 - 2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông **Đỗ Văn Hùng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Thành**

Ông **Bùi Quang Phú**

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà **Đào Thị Lệ Thy** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bình Phước.

- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Ông **Trần Văn Thành** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Bình Phước đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 29/2019/TLST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2019/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2019 đối với các bị cáo:

1/ Nguyễn Văn T; Giới tính: Nam; Sinh năm 1981, tại Bình Phước. Nơi cư trú: Thôn 6, xã Long H, huyện P, Bình Phước. Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 4/12. Cha: Nguyễn Quang D, sinh năm 1956 (đã chết); Mẹ: Phạm Thị V, sinh năm 1961 (còn sống). Vợ: Trần Thị L1, sinh năm 1984; Bị cáo có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2017. Bị cáo có 05 anh em, lớn nhất sinh năm 1979, nhỏ nhất sinh năm 1992; Tiền án: không; Tiền sự: Không. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N từ ngày 17/12/2018 đến nay.

2/ Nguyễn Văn Đ; Giới tính: Nam. Sinh năm: 1990, tại Bình Phước. Nơi cư trú: Thôn Tân Lực, xã Bù N, huyện P, Bình Phước; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 02/12. Cha: Không xác định; Mẹ: Nguyễn Thị M, sinh năm 1968 (còn sống). Vợ: Đặng Thị Nhân, sinh năm 1988; Bị cáo có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2016; Bị cáo có 02 anh em, lớn là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 1998; Tiền án: Ngày 29/9/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Đồng P, tỉnh Bình Phước tuyên phạt 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự theo Bản án số

46/HSST/2017. Chấp hành xong ngày 18/4/2018, bị cáo chưa được xoá án tích; Tiền sự: Không. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N từ ngày 17/12/2018 đến nay.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa

*** Bị hại:**

Ông Nguyễn Chính Tr, sinh năm 1988

Địa chỉ: Ấp Việt Quang, xã Lộc Q, huyện N, tỉnh Bình Phước

Vắng mặt tại phiên tòa

*** Người có quyền lợi liên quan:**

- Bà Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấp Tân Lợi, xã Tân T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước

Vắng mặt tại phiên tòa

- Ông Lê Thái T1, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn 6, xã Thiện H, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

Vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bình Phước truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 9 giờ ngày 09/12/2018, Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô loại Honda 67, màu trắng, biển số: 67FF – 5504 đến 01 tiệm game bắn cá tại xã Bù N, huyện P chơi thì gặp Nguyễn Văn Đ. Tại đây, T rủ Đ đi trộm cắp xe mô tô để bán lấy tiền tiêu xài thì Đ đồng ý. T điều khiển xe mô tô chở Đ từ huyện P đến khu vực ấp Hưng Thịnh, xã Lộc T, huyện N thì phát hiện 01 xe mô tô Excier, biển số: 93F1 – 403.15 của anh Nguyễn Chính Tr đang dựng bên lề đường Quốc lộ 13, trên xe có sẵn chìa khóa. Thấy vậy, T dừng xe để Đ điều khiển xe chở T quay lại. Lúc này, T xuống xe đi bộ đến gần xe mô tô Exciter, quan sát thấy không người trông giữ nên T bật công tắc điện, khởi động xe chạy tẩu thoát về hướng huyện P, còn Đ điều khiển xe mô tô Honda 67 chạy theo sau. Trên đường đi, T đã tháo biển số: 93F1 – 403.15 của xe mô tô vừa trộm cắp được vứt bỏ và điều khiển xe chạy đến khu vực nghĩa trang thuộc huyện P, và nhặt được 01 biển số: 93G1 – 099.22 của anh Lê Thái T1 gắn vào xe mô tô trộm cắp. Sau đó, T giao xe trộm cắp được cho Đ điều khiển, còn T điều khiển xe mô tô Honda 67, cả hai chạy đến 01 tiệm game bắn cá tại huyện P chơi. Do không có tiền chơi bắn cá nên T đã cầm xe mô tô Honda 67 cho anh Mai Văn Lập được 3.000.000 đồng và chơi game bắn cá hết.

Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, T điều khiển xe mô tô trộm cắp được chở Đ đến nhà nghỉ Cà Biêu thuộc thị trấn T, huyện Đ thuê phòng nghỉ. Sau đó, do muốn giữ xe mô tô trộm cắp được làm phương tiện đi lại và tránh bị phát hiện nên T đã mua giấy decal dán vào đầu xe. Đến khoảng 22 giờ ngày 19/12/2018, Đ điều khiển xe trộm cắp được đến nhà nghỉ Trâm Anh thuộc xã Thiện H, huyện Đ để gặp bạn thì bị Công an huyện Đ kiểm tra hành chính và mời làm việc.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn Đ đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Căn cứ kết luận định giá tài sản số 01 ngày 09/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N kết luận: 01 xe mô tô Exciter, biển số: 93F1 – 403.15 trị giá: 43.000.000.

Tại bản cáo trạng số: 29/CT-VKSLN, ngày 14/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn Đ bị truy tố về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Xử phạt bị cáo: Nguyễn Văn T từ 18 đến 21 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Xử phạt bị cáo: Nguyễn Văn Đ từ 18 đến 21 tháng tù.

Vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 xe mô tô loại Honda 67, màu trắng, biển số: 67FF – 5504; 01 xe mô tô Excier được gắn biển số: 93G1 – 099.22; 01 điện thoại di động hiệu Samsung, màu bạc. Sau đó, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại: 01 xe mô tô loại Honda 67, màu trắng, biển số: 67FF – 5504 cho chủ sở hữu là chị Nguyễn Thị Thùy L; trả lại 01 xe mô tô Excier cho chủ sở hữu là anh Nguyễn Chính Tr.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung, màu bạc, là tài sản của Nguyễn Văn Đ nên đề nghị trả lại cho bị cáo Đ.

Đối với 01 biển số: 93G1 – 099.22, là tài sản của anh Lê Thái T1 không liên quan đến vụ án nên đề nghị trả lại cho T1.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi liên quan không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa xét xử công khai hôm nay, các bị cáo đã hoàn toàn thú nhận hành vi phạm tội của mình gây ra, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra vụ án, phù hợp với kết luận điều tra, cáo trạng và kết luận của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa nên có đủ cơ sở để khẳng định: Vào khoảng 12 giờ ngày 09/12/2018, tại đường Quốc lộ 13 thuộc ấp Hưng Thịnh, xã Lộc Th, huyện N, Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn Đ đã có hành vi lén lút trộm cắp của anh Nguyễn Chính Tr 01 xe mô tô Exciter, biển số: 93F1 – 403.15 trị giá: 43.000.000 đồng. Trong đó, Nguyễn Văn T giữ vai trò rủ rờ và thực hành, Nguyễn Văn Đ là người giúp sức. Hành vi của các bị cáo là lừa dối, xem thường pháp luật, ảnh hưởng đến trật tự xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản của cá nhân được luật pháp bảo vệ. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, có giai đoạn chuẩn bị phạm tội rõ ràng, tội phạm đã hoàn thành. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình. Bị cáo nhận thức được trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật và bị pháp luật nghiêm trị. Song do lười biếng lao động, không lo tu chí làm ăn, muốn có tiền sử dụng mà không phải lao động nên các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội.

[3] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó, Nguyễn Văn T là người khởi xướng, rủ rờ bị cáo Đ và trực tiếp thực hành việc lấy trộm, còn bị cáo Đ giúp sức cùng T chạy xe để lấy trộm tài sản.

Đối với bị cáo T là đối tượng không có nghề nghiệp ổn định, muốn có tiền tiêu xài và chơi game mà không phải lao động nên đã thực hiện việc phạm tội. Bản thân bị cáo có nhân thân xấu. Năm 1998, bị Tòa án nhân dân huyện Đắk Lắk, tỉnh Đ tuyên phạt 18 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Đã được xóa án tích. Ngày 15/8/2005, bị

Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước tuyên phạt 12 tháng tù về tội “Hủy hoại tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 143 Bộ luật hình sự theo Bản án số 33/2005/HSST ngày 15/8/2005. Đã được xóa án tích, tuy nhiên bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục phạm tội thể hiện sự coi thường pháp luật.

Đối với bị cáo Đ cũng không có nghề nghiệp, muốn có tiền tiêu xài nên dẫn đến trộm cắp. Ngày 29/9/2017, bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước tuyên phạt 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự theo Bản án số 46/HSST/2017. Bị cáo chưa được xóa án tích thì đến ngày 17/12/2018 lại tiếp tục phạm tội nên lần phạm tội này xác định bị cáo *Tái phạm* là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình.

Hành vi của các bị cáo đã đủ dấu hiệu cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố các bị cáo là hoàn toàn có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Hội đồng xét xử cần xử phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra và cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có đủ điều kiện răn đe, giáo dục các bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội và để phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, tài sản thu hồi đầy đủ giao trả lại cho bị hại, các bị cáo có trình độ văn hóa thấp nên am hiểu pháp luật còn hạn chế. Đây là những tình tiết xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra

[6] Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 xe mô tô loại Honda 67, màu trắng, biển số: 67FF – 5504 là tài sản của Nguyễn Thị Thùy L nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Linh; Đối với xe mô tô Excier là tài sản của anh Nguyễn Chính Tr, Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho anh Tr nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung, màu bạc, là tài sản của Nguyễn Văn Đ không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo Đ.

Đối với 01 biển số: 93G1 – 099.22, là tài sản của anh Lê Thái T1 không liên quan đến vụ án nên đề nghị trả lại cho T1.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1) Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn Đ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Xử phạt bị cáo: Nguyễn Văn T **01** (một) năm **09** (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/12/2018 và tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Xử phạt bị cáo: Nguyễn Văn Đ **01** (một) năm **09** (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/12/2018 và tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2) Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Đ 01 điện thoại di động hiệu Samsung, màu bạc
Trả lại cho anh Lê Thái T1 01 biên số: 93G1 – 099.22.

Số tang vật trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Bình Phước đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng số 0006610 ngày 18/4/2019.

3) Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú lên Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKS huyện N
- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi liên quan
- Chi cục THADS huyện N
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước
- CA huyện N
- CA tỉnh Bình Phước
- Lưu hồ sơ vụ án

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Văn Hùng